

BẢNG TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB DỰ ÁN
Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long Thanh Hóa (giai đoạn 1) tại huyện Triệu Sơn
và thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trên địa bàn xã Đông Tiến (thôn Phúc Âm 1)

(Kèm theo Phương án số:/PA-HDGPMB ngày/01/2025 của Hội đồng bồi thường GPMB dự án)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất (thôn/xóm)	Số hiệu tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Loại đất	DT nguyên thửa (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)						Thành tiền (đồng)					
							DT trong mốc GPMB		DT ngoài mốc GPMB		Tổng DT		Bồi thường hỗ trợ về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng	
							DT của hộ	DT UBND xã	DT của hộ	DT UBND xã	DT của hộ	DT UBND xã						Tổng
1	Nguyễn Ngọc Bô	Phúc Âm 1	15	294	LUC	1.610,3	1.273,4	-	322,8	14,1	1.596,2	14,1	1.610,3	87.791.000	175.582.000	12.882.400	46.080.000	322.335.400
2	Nguyễn Ngọc Dũng	Phúc Âm 1	15	338	LUC	1.048,6	1.041,8		6,8		1.048,6	-	1.048,6	57.673.000	115.346.000	8.388.800	23.040.000	204.447.800
3	Nguyễn Hữu Tường	Phúc Âm 1	15	339	LUC	1.071,0	1.071,0				1.071,0	-	1.071,0	58.905.000	117.810.000	8.568.000	23.040.000	208.323.000
4	Lê Công An - Lê Công Ngạn	Phúc Âm 1	15	381	LUC	1.420,4	1.114,4		306,0		1.420,4	-	1.420,4	78.122.000	156.244.000	11.363.200	46.080.000	484.410.100
		Phúc Âm 1	16	183	LUC	1.113,3	1.113,3				1.113,3	-	1.113,3	61.231.500	122.463.000	8.906.400		
5	Lê Thị Phới - Nguyễn Giáo Tuấn	Phúc Âm 1	15	382	LUC	458,0	458,0				458,0	-	458,0	25.190.000	50.380.000	3.664.000	17.280.000	96.514.000
6	Nguyễn Hữu Nhật - Nông Thị Nền	Phúc Âm 1	15	384	LUC	1.601,3	1.601,3				1.601,3	-	1.601,3	88.071.500	176.143.000	12.810.400	40.320.000	317.344.900
7	Lê Văn Minh	Phúc Âm 1	15	385	LUC	1.722,3	1.698,0	24,3			1.698,0	24,3	1.722,3	93.390.000	186.780.000	13.778.400	23.040.000	316.988.400
8	Lê Văn Tinh	Phúc Âm 1	15	386	LUC	1.199,6	774,8		424,8		1.199,6	-	1.199,6	65.978.000	131.956.000	9.596.800	25.920.000	273.310.000
		Phúc Âm 1	16	322	LUC	1.010,7	230,4				230,4	-	230,4	12.672.000	25.344.000	1.843.200		
9	Nguyễn Hữu Tự	Phúc Âm 1	15	424	LUC	2.248,5	2.240,6		7,9		2.248,5	-	2.248,5	123.667.500	247.335.000	17.988.000	17.280.000	406.270.500
10	Hoàng Hữu Kiên	Phúc Âm 1	15	425	LUC	2.723,8	2.720,0	3,8			2.720,0	3,8	2.723,8	149.600.000	299.200.000	21.790.400	17.280.000	487.870.400
11	Nguyễn Hữu Hát	Phúc Âm 1	15	426	LUC	3.032,6	3.020,0	12,6			3.020,0	12,6	3.032,6	166.100.000	332.200.000	24.260.800	51.840.000	574.400.800
12	Lê Quang Bắc	Phúc Âm 1	15	427	LUC	999,8	922,3		77,5		999,8	-	999,8	54.989.000	109.978.000	7.998.400	40.320.000	596.861.000
		Phúc Âm 1	15	463	LUC	1.226,1	1.226,1				1.226,1	-	1.226,1	67.435.500	134.871.000	9.808.800		
		Phúc Âm 1	16	262	LUC	991,1	991,1				991,1	-	991,1	54.510.500	109.021.000	7.928.800		
13	Lê Văn Dương	Phúc Âm 1	15	459	LUC	1.909,6	1.628,2		281,4		1.909,6	-	1.909,6	105.028.000	210.056.000	15.276.800	28.800.000	505.951.300
		Phúc Âm 1	16	276	LUC	848,5	653,1		195,4		848,5	-	848,5	46.667.500	93.335.000	6.788.000		
14	Lê Đình Bộ	Phúc Âm 1	15	460	LUC	2.385,3	1.827,3	558,0			1.827,3	558,0	2.385,3	100.501.500	201.003.000	19.082.400	34.560.000	635.182.000
		Phúc Âm 1	16	209	LUC	1.618,7	1.618,7				1.618,7	-	1.618,7	89.028.500	178.057.000	12.949.600		
15	Nguyễn Hữu Cần	Phúc Âm 1	15	461	LUC	539,4	539,4				539,4	-	539,4	29.667.000	59.334.000	4.315.200	28.800.000	122.116.200
16	Lê Thị Soan - Nguyễn Huy Thăng	Phúc Âm 1	15	462	LUC	912,2	912,2				912,2	-	912,2	50.171.000	100.342.000	7.297.600	34.560.000	192.370.600
17	Lê Đăng Tăng	Phúc Âm 1	15	464	LUC	2.245,7	2.254,7				2.254,7	-	2.254,7	124.008.500	248.017.000	18.037.600	57.600.000	447.663.100
18	Nguyễn Hữu Thanh	Phúc Âm 1	15	501	LUC	1.801,7	1.801,7				1.801,7	-	1.801,7	99.093.500	198.187.000	14.413.600	40.320.000	643.432.600
		Phúc Âm 1	15	532	LUC	622,2	622,2				622,2	-	622,2	34.221.000	68.442.000	4.977.600		
		Phúc Âm 1	16	165	LUC	1.062,3	1.062,3				1.062,3	-	1.062,3	58.426.500	116.853.000	8.498.400		
19	Lê Đình Khoa	Phúc Âm 1	15	502	LUC	2.281,3	2.211,3	70,0			2.211,3	70,0	2.281,3	121.621.500	243.243.000	18.250.400	40.320.000	605.552.000
		Phúc Âm 1	16	197	LUC	1.052,7	1.052,7				1.052,7	-	1.052,7	57.898.500	115.797.000	8.421.600		
20	Nguyễn Huy Lực	Phúc Âm 1	15	504	LUC	1.135,2	1.088,0	47,2			1.088,0	47,2	1.135,2	59.840.000	119.680.000	9.081.600	17.280.000	205.881.600
21	Nguyễn Hữu Công	Phúc Âm 1	15	505	LUC	4.477,5	4.477,5				4.477,5	-	4.477,5	246.262.500	492.525.000	35.820.000	57.600.000	832.207.500
22	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc Âm 1	15	533	LUC	2.580,1	2.580,1				2.580,1	-	2.580,1	141.905.500	283.811.000	20.640.800	28.800.000	475.157.300
23	Hoàng Thị Lý	Phúc Âm 1	15	534	LUC	953,8	953,8				953,8	-	953,8	52.459.000	104.918.000	7.630.400	23.040.000	222.491.700
		Phúc Âm 1	15	535	LUC	199,1	199,1				199,1	-	199,1	10.950.500	21.901.000	1.592.800		
24	Nguyễn Bá Hiếu	Phúc Âm 1	16	63	LUC	1.580,9	1.059,0				1.059,0	-	1.059,0	58.245.000	116.490.000	8.472.000	51.840.000	235.047.000
25	Nguyễn Hữu Duyên	Phúc Âm 1	16	67	LUC	271,9	89,9		164,2	17,8	254,1	17,8	271,9	13.975.500	27.951.000	2.175.200	17.280.000	61.381.700
26	Lê Đình Cương - Lê Đình Hành	Phúc Âm 1	16	68	LUC	952,5	952,5				952,5	-	952,5	52.387.500	104.775.000	7.620.000	23.040.000	397.412.000
		Phúc Âm 1	16	72	LUC	1.211,5	1.211,5				1.211,5	-	1.211,5	66.632.500	133.265.000	9.692.000		
27	Lê Đình Cường - Sài	Phúc Âm 1	16	475	LUC	540,2	540,2				540,2	-	540,2	29.711.000	59.422.000	4.321.600	17.280.000	110.734.600

28	Lê Đình Hành	Phúc Âm 1	16	88	LUC	2.199,7	2.176,0	23,7			2.176,0	23,7	2.199,7	119.680.000	239.360.000	17.597.600	51.840.000	428.477.600
29	Lê Thị Tý - Lê Đình Thọ	Phúc Âm 1	16	71	LUC	1.867,8	1.867,8				1.867,8	-	1.867,8	102.729.000	205.458.000	14.942.400	28.800.000	351.929.400
30	Nguyễn Bá Nghị	Phúc Âm 1	16	73	LUC	831,1	831,1				831,1	-	831,1	45.710.500	91.421.000	6.648.800	40.320.000	184.100.300
31	Nguyễn Hữu Ninh - Lê Thị Ruệ	Phúc Âm 1	16	74	LUC	2.187,6	2.155,0		21,0	11,6	2.176,0	11,6	2.187,6	119.680.000	239.360.000	17.500.800	34.560.000	411.100.800
32	Nguyễn Hữu Ai - Ngô Thị Chi	Phúc Âm 1	16	75	LUC	1.983,3	1.616,0		345,3	22,0	1.961,3	22,0	1.983,3	107.871.500	215.743.000	15.866.400	40.320.000	379.800.900
33	Hoàng Hữu Thẩm	Phúc Âm 1	16	77	LUC	254,5	90,9		147,3	16,3	238,2	16,3	254,5	13.101.000	26.202.000	2.036.000	28.800.000	70.139.000
34	Mai Thị Thìn	Phúc Âm 1	16	79	LUC	639,5	410,0		2,4	227,1	412,4	227,1	639,5	22.682.000	45.364.000	5.116.000	34.560.000	107.722.000
35	Lê Đình Sơn	Phúc Âm 1	16	80	LUC	1.176,1	1.176,1				1.176,1	-	1.176,1	64.685.500	129.371.000	9.408.800	23.040.000	226.505.300
36	Lê Đình Hiệp	Phúc Âm 1	16	81	LUC	2.149,3	2.149,3				2.149,3	-	2.149,3	118.211.500	236.423.000	17.194.400	17.280.000	389.108.900
37	Lê Đăng Thế	Phúc Âm 1	16	82	LUC	2.181,4	2.176,0			5,4	2.176,0	5,4	2.181,4	119.680.000	239.360.000	17.451.200	23.040.000	399.531.200
38	Lê Đình Don	Phúc Âm 1	16	83	LUC	2.723,8	2.720,0		3,8		2.720,0	3,8	2.723,8	149.600.000	299.200.000	21.790.400	40.320.000	510.910.400
39	Hoàng Ngọc Toàn	Phúc Âm 1	16	84	LUC	2.202,3	2.109,3		90,3	2,7	2.199,6	2,7	2.202,3	120.978.000	241.956.000	17.618.400	23.040.000	403.592.400
40	Lê Đình Kiên	Phúc Âm 1	16	85	LUC	2.709,9	2.709,9				2.709,9	-	2.709,9	149.044.500	298.089.000	21.679.200	46.080.000	514.892.700
41	Quách Thị Liễu	Phúc Âm 1	16	86	LUC	1.705,9	1.698,0		7,9		1.698,0	7,9	1.705,9	93.390.000	186.780.000	13.647.200	17.280.000	311.097.200
42	Nguyễn Hữu Nền	Phúc Âm 1	16	87	LUC	2.678,8	2.678,8				2.678,8	-	2.678,8	147.334.000	294.668.000	21.430.400	28.800.000	492.232.400
43	Lê Đình Thành	Phúc Âm 1	16	89	LUC	2.255,0	2.255,0				2.255,0	-	2.255,0	124.025.000	248.050.000	18.040.000	23.040.000	433.854.800
		Phúc Âm 1	16	100	LUC	793,1	87,0	706,1			87,0	706,1	793,1	4.785.000	9.570.000	6.344.800		
44	Nguyễn Thị Gai	Phúc Âm 1	16	90	LUC	2.695,0	2.554,0		141,0		2.554,0	141,0	2.695,0	140.470.000	280.940.000	21.560.000	34.560.000	477.530.000
45	Lê Đình Xuân	Phúc Âm 1	16	91	LUC	2.206,8	2.176,0		30,8		2.176,0	30,8	2.206,8	119.680.000	239.360.000	17.654.400	40.320.000	417.014.400
46	Nguyễn Thị Hương - Nguyễn Văn Ứng	Phúc Âm 1	16	93	LUC	2.176,5	2.176,5				2.176,5	-	2.176,5	119.707.500	239.415.000	17.412.000	40.320.000	416.854.500
47	Nguyễn Thị Luân	Phúc Âm 1	16	94	LUC	1.130,6	1.088,0		42,6		1.088,0	42,6	1.130,6	59.840.000	119.680.000	9.044.800	28.800.000	217.364.800
48	Hoàng Thị Chiến	Phúc Âm 1	16	95	LUC	2.343,8	2.343,8				2.343,8	-	2.343,8	128.909.000	257.818.000	18.750.400	40.320.000	445.797.400
49	Lê Đình Giao - Lê Thị Lỡ + Dương	Phúc Âm 1	16	96	LUC	1.305,2	1.282,2		23,0		1.282,2	23,0	1.305,2	70.521.000	141.042.000	10.441.600	40.320.000	580.264.000
		Phúc Âm 1	16	103	LUC	1.837,8	1.837,8				1.837,8	-	1.837,8	101.079.000	202.158.000	14.702.400		
50	Lê Hữu Tăng	Phúc Âm 1	16	97	LUC	2.184,7	2.176,0		8,7		2.176,0	8,7	2.184,7	119.680.000	239.360.000	17.477.600	28.800.000	405.317.600
51	Lê Đình Tuấn	Phúc Âm 1	16	98	LUC	2.183,7	2.176,0		7,7		2.176,0	7,7	2.183,7	119.680.000	239.360.000	17.469.600	46.080.000	422.589.600
52	Lê Đình Hùng	Phúc Âm 1	16	99	LUC	1.074,5	1.074,5				1.074,5	-	1.074,5	59.097.500	118.195.000	8.596.000	28.800.000	214.688.500
53	Lê Thị Khôn	Phúc Âm 1	16	101	LUC	1.315,1	1.288,0		27,1		1.288,0	27,1	1.315,1	70.840.000	141.680.000	10.520.800	28.800.000	251.840.800
54	Lê Đình Quý - Lê Đình Đức	Phúc Âm 1	16	102	LUC	2.286,8	2.176,0		110,8		2.176,0	110,8	2.286,8	119.680.000	239.360.000	18.294.400	17.280.000	394.614.400
55	Hoàng Hữu Thân	Phúc Âm 1	16	104	LUC	873,6	873,6				873,6	-	873,6	48.048.000	96.096.000	6.988.800	46.080.000	197.212.800
56	Lê Đăng Thành	Phúc Âm 1	16	105	LUC	903,7	903,7				903,7	-	903,7	49.703.500	99.407.000	7.229.600	34.560.000	190.900.100
57	Lê Thị Khóc - Lê Đăng Thanh	Phúc Âm 1	16	106	LUC	1.401,7	1.401,7				1.401,7	-	1.401,7	77.093.500	154.187.000	11.213.600	40.320.000	500.673.000
		Phúc Âm 1	16	121	LUC	1.259,3	1.259,3				1.259,3	-	1.259,3	69.261.500	138.523.000	10.074.400		
58	Lê Thị Khóc - Lê Đăng Ân	Phúc Âm 1	16	121	LUC	544,0	544,0				544,0	-	544,0	29.920.000	59.840.000	4.352.000	28.800.000	122.912.000
59	Nguyễn Huy Trị - Nguyễn Huy Sách	Phúc Âm 1	16	107	LUC	1.082,8	1.082,8				1.082,8	-	1.082,8	59.554.000	119.108.000	8.662.400	17.280.000	204.604.400
60	Nguyễn Hữu Viên	Phúc Âm 1	16	108	LUC	2.193,1	2.176,0		17,1		2.176,0	17,1	2.193,1	119.680.000	239.360.000	17.544.800	17.280.000	393.864.800
61	Lê Hữu Tài	Phúc Âm 1	16	109	LUC	2.430,9	2.430,9				2.430,9	-	2.430,9	133.699.500	267.399.000	19.447.200	28.800.000	449.345.700
62	Phạm Đức Nam	Phúc Âm 1	16	110	LUC	1.120,6	1.088,0		32,6		1.088,0	32,6	1.120,6	59.840.000	119.680.000	8.964.800	23.040.000	211.524.800
63	Lê Đình Quỳnh - Lê Thị Tánh	Phúc Âm 1	16	111	LUC	1.781,2	1.708,0		73,2		1.708,0	73,2	1.781,2	93.940.000	187.880.000	14.249.600	46.080.000	569.125.600
		Phúc Âm 1	16	117	LUC	1.312,0	1.312,0				1.312,0	-	1.312,0	72.160.000	144.320.000	10.496.000		
64	Lê Đình Huệ	Phúc Âm 1	16	112	LUC	1.085,2	1.085,2				1.085,2	-	1.085,2	59.686.000	119.372.000	8.681.600	28.800.000	216.539.600
65	Nguyễn Hữu Bình - Lê Thị Thá	Phúc Âm 1	16	113	LUC	1.100,7	1.088,0		12,7		1.088,0	12,7	1.100,7	59.840.000	119.680.000	8.805.600	28.800.000	217.125.600
66	Lê Thị Lệ - Nguyễn Hữu Cao	Phúc Âm 1	16	116	LUC	1.660,6	1.632,0		28,6		1.632,0	28,6	1.660,6	89.760.000	179.520.000	13.284.800	46.080.000	328.644.800
67	Nguyễn Hữu Toàn	Phúc Âm 1	16	118	LUC	1.087,1	1.087,1				1.087,1	-	1.087,1	59.790.500	119.581.000	8.696.800	28.800.000	216.868.300

68	Nguyễn Hữu Quang - Nguyễn Thị Đông	Phúc Âm 1	16	125	LUC	2.235,6	2.176,0	59,6			2.176,0	59,6	2.235,6	119.680.000	239.360.000	17.884.800	46.080.000	423.004.800
69	Nguyễn Hữu Đoàn - , Nguyễn Hữu Sỹ	Phúc Âm 1	16	119	LUC	866,5	866,5				866,5	-	866,5	47.657.500	95.315.000	6.932.000	40.320.000	522.505.600
		Phúc Âm 1	16	136	LUC	1.380,7	1.380,7				1.380,7	-	1.380,7	75.938.500	151.877.000	11.045.600		
		Phúc Âm 1	16	481	LUC	540,0	540,0				540,0	-	540,0	29.700.000	59.400.000	4.320.000		
70	Nguyễn Thanh Thứ - Lê Thị Hiền	Phúc Âm 1	16	481	LUC	541,1	541,1				541,1	-	541,1	29.760.500	59.521.000	4.328.800	23.040.000	116.650.300
71	Nhữ Mai Thịnh	Phúc Âm 1	16	120	LUC	1.888,2	1.764,0	124,2			1.764,0	124,2	1.888,2	97.020.000	194.040.000	15.105.600	23.040.000	329.205.600
72	Nguyễn Hữu Quyền	Phúc Âm 1	16	123	LUC	1.979,8	1.979,8				1.979,8	-	1.979,8	108.889.000	217.778.000	15.838.400	17.280.000	487.753.500
		Phúc Âm 1	16	135	LUC	739,7	739,7				739,7	-	739,7	40.683.500	81.367.000	5.917.600		
73	Nguyễn Hữu Nông	Phúc Âm 1	16	124	LUC	1.078,2	1.078,2				1.078,2	-	1.078,2	59.301.000	118.602.000	8.625.600	11.520.000	198.048.600
74	Trần Quang Lan - Trần Quang Đức	Phúc Âm 1	16	126	LUC	1.494,1	1.494,1				1.494,1	-	1.494,1	82.175.500	164.351.000	11.952.800	23.040.000	281.519.300
75	Lê Đình Thuyết	Phúc Âm 1	16	130	LUC	1.319,9	1.088,0	231,9			1.088,0	231,9	1.319,9	59.840.000	119.680.000	10.559.200	23.040.000	213.119.200
76	Nguyễn Thị Tuyết	Phúc Âm 1	16	132	LUC	1.626,4	1.626,4				1.626,4	-	1.626,4	89.452.000	178.904.000	13.011.200	28.800.000	310.167.200
77	Lê Đình Kính	Phúc Âm 1	16	133	LUC	671,2	544,0	127,2			544,0	127,2	671,2	29.920.000	59.840.000	5.369.600	23.040.000	118.169.600
78	Trần Viết Ngoan	Phúc Âm 1	16	134	LUC	1.619,1	1.619,1				1.619,1	-	1.619,1	89.050.500	178.101.000	12.952.800	23.040.000	303.144.300
79	Nguyễn Hữu Vui	Phúc Âm 1	16	137	LUC	1.075,9	1.075,9				1.075,9	-	1.075,9	59.174.500	118.349.000	8.607.200	40.320.000	226.450.700
80	Nguyễn Thị Nhi - Nguyễn Hữu Vui	Phúc Âm 1	16	137	LUC	544,0	544,0				544,0	-	544,0	29.920.000	59.840.000	4.352.000	5.760.000	99.872.000
81	Nguyễn Thị Ngam - Lê Đình Thoang	Phúc Âm 1	16	138	LUC	2.784,4	2.784,4				2.784,4	-	2.784,4	153.142.000	306.284.000	22.275.200	28.800.000	510.501.200
82	Lê Đình Tại	Phúc Âm 1	16	142	LUC	1.437,4	1.437,4				1.437,4	-	1.437,4	79.057.000	158.114.000	11.499.200	10.080.000	258.750.200
83	Nguyễn Hữu Tài	Phúc Âm 1	16	143	LUC	1.268,0	1.268,0				1.268,0	-	1.268,0	69.740.000	139.480.000	10.144.000	7.200.000	226.564.000
84	Nguyễn Hữu Hải	Phúc Âm 1	16	151	LUC	1.145,3	1.088,0	57,3			1.088,0	57,3	1.145,3	59.840.000	119.680.000	9.162.400	28.800.000	217.482.400
85	Nguyễn Thị Khom - Lê Đình Nhiên	Phúc Âm 1	16	153	LUC	1.335,2	1.335,2				1.335,2	-	1.335,2	73.436.000	146.872.000	10.681.600	17.280.000	248.269.600
86	Lê Đăng Tự	Phúc Âm 1	16	154	LUC	1.181,0	1.181,0				1.181,0	-	1.181,0	64.955.000	129.910.000	9.448.000	10.080.000	214.393.000
87	Lê Đăng Nhật	Phúc Âm 1	16	156	LUC	2.478,5	2.176,0	302,5			2.176,0	302,5	2.478,5	119.680.000	239.360.000	19.828.000	28.800.000	407.668.000
88	Nguyễn Thị Như	Phúc Âm 1	16	157	LUC	2.700,5	2.700,5				2.700,5	-	2.700,5	148.527.500	297.055.000	21.604.000	28.800.000	495.986.500
89	Nguyễn Thị Nguyễn	Phúc Âm 1	16	159	LUC	2.712,7	2.712,7				2.712,7	-	2.712,7	149.198.500	298.397.000	21.701.600	34.560.000	503.857.100
90	Lê Đình Đạt	Phúc Âm 1	16	162	LUC	2.144,7	2.144,7				2.144,7	-	2.144,7	117.958.500	235.917.000	17.157.600	28.800.000	399.833.100
91	Nguyễn Anh Tuấn	Phúc Âm 1	16	163	LUC	1.768,6	1.632,0	136,6			1.632,0	136,6	1.768,6	89.760.000	179.520.000	14.148.800	23.040.000	306.468.800
92	Lê Đăng Hải	Phúc Âm 1	16	164	LUC	1.013,8	1.013,8				1.013,8	-	1.013,8	55.759.000	111.518.000	8.110.400	28.800.000	204.187.400
93	Nguyễn Hữu Hào	Phúc Âm 1	16	173	LUC	1.243,7	1.084,6	159,1			1.084,6	159,1	1.243,7	59.653.000	119.306.000	9.949.600	46.080.000	258.533.900
		Phúc Âm 1	15	423		70,5	6,6	63,9			70,5	-	70,5	3.877.500	7.755.000	564.000		
		Phúc Âm 1	15	428		65,6	3,7	61,9			65,6	-	65,6	3.608.000	7.216.000	524.800		
94	Lê Đình Toàn - Lê Thị Thực	Phúc Âm 1	16	332	LUC	1.103,7	374,1				374,1	-	374,1	20.575.500	41.151.000	2.992.800	5.760.000	238.981.300
		Phúc Âm 1	16	174	LUC	974,0	974,0				974,0	-	974,0	53.570.000	107.140.000	7.792.000		
95	Lê Đình Chính	Phúc Âm 1	16	175	LUC	1.626,3	1.626,3				1.626,3	-	1.626,3	89.446.500	178.893.000	13.010.400	34.560.000	315.909.900
96	Nguyễn Nho Thường	Phúc Âm 1	16	176	LUC	2.707,5	2.707,5				2.707,5	-	2.707,5	148.912.500	297.825.000	21.660.000	28.800.000	497.197.500
97	Nguyễn Huy Thức	Phúc Âm 1	16	177	LUC	1.067,5	1.067,5				1.067,5	-	1.067,5	58.712.500	117.425.000	8.540.000	23.040.000	207.717.500
98	Nguyễn Anh Sơn	Phúc Âm 1	16	179	LUC	2.729,7	2.720,0	9,7			2.720,0	9,7	2.729,7	149.600.000	299.200.000	21.837.600	28.800.000	499.437.600
99	Lê Hữu Tăng - Nguyễn Hữu Do	Phúc Âm 1	16	180	LUC	1.114,3	1.088,0	26,3			1.088,0	26,3	1.114,3	59.840.000	119.680.000	8.914.400	23.040.000	211.474.400
100	Lê Đình Quý (Nội) - Lê Đình này	Phúc Âm 1	16	181	LUC	678,9	678,9				678,9	-	678,9	37.339.500	74.679.000	5.431.200	11.520.000	128.969.700
101	Nguyễn Văn Lực	Phúc Âm 1	16	182	LUC	1.143,8	1.143,8				1.143,8	-	1.143,8	62.909.000	125.818.000	9.150.400	14.400.000	212.277.400
102	Lê Đình Tiêng - Lê Đình Thủy	Phúc Âm 1	16	198	LUC	1.153,7	1.153,7				1.153,7	-	1.153,7	63.453.500	126.907.000	9.229.600	34.560.000	301.793.100
		Phúc Âm 1	16	208	LUC	391,0	391,0				391,0	-	391,0	21.505.000	43.010.000	3.128.000		
103	Lê Đăng Cận - Lê Đình Nhân	Phúc Âm 1	16	199	LUC	2.238,9	2.176,0	62,9			2.176,0	62,9	2.238,9	119.680.000	239.360.000	17.911.200	40.320.000	417.271.200
104	Hoàng Thị Nga	Phúc Âm 1	16	201	LUC	1.831,4	1.831,4				1.831,4	-	1.831,4	100.727.000	201.454.000	14.651.200	11.520.000	328.352.200

105	Lê Hữu Thành	Phúc Âm 1	16	202	LUC	3.054,9	3.050,0	4,9			3.050,0	4,9	3.054,9	167.750.000	335.500.000	24.439.200	51.840.000	579.529.200
106	Vũ Thị Thao	Phúc Âm 1	16	203	LUC	1.425,4	1.388,0	37,4			1.388,0	37,4	1.425,4	76.340.000	152.680.000	11.403.200	11.520.000	251.943.200
107	Lê Đăng Hiệu	Phúc Âm 1	16	204	LUC	1.630,4	1.630,4				1.630,4	-	1.630,4	89.672.000	179.344.000	13.043.200	40.320.000	322.379.200
108	Nguyễn Huy Trí	Phúc Âm 1	16	205	LUC	1.058,3	1.058,3				1.058,3	-	1.058,3	58.206.500	116.413.000	8.466.400	23.040.000	206.125.900
109	Nguyễn Thị Xăng	Phúc Âm 1	16	207	LUC	1.977,3	1.346,7	630,6			1.346,7	630,6	1.977,3	74.068.500	148.137.000	15.818.400	40.320.000	461.602.800
		Phúc Âm 1	16	239	LUC	1.059,3	1.059,3				1.059,3	-	1.059,3	58.261.500	116.523.000	8.474.400		
110	Nguyễn Hữu Thiều	Phúc Âm 1	16	215	LUC	1.491,5	1.491,5				1.491,5	-	1.491,5	82.032.500	164.065.000	11.932.000	28.800.000	286.829.500
111	Nguyễn Thị Tâm	Phúc Âm 1	16	216	LUC	2.755,9	2.720,0	35,9			2.720,0	35,9	2.755,9	149.600.000	299.200.000	22.047.200	40.320.000	511.167.200
112	Lê Đình Chung	Phúc Âm 1	16	217	LUC	1.416,7	1.362,7	54,0			1.362,7	54,0	1.416,7	74.948.500	149.897.000	11.333.600	57.600.000	551.428.000
		Phúc Âm 1	16	199	LUC	500,0	500,0				500,0	-	500,0	27.500.000	55.000.000	4.000.000		
		Phúc Âm 1	16	225	LUC	500,0	500,0				500,0	-	500,0	27.500.000	55.000.000	4.000.000		
		Phúc Âm 1	16	241	LUC	489,3	489,3				489,3	-	489,3	26.911.500	53.823.000	3.914.400		
113	Lê Thị Thành	Phúc Âm 1	16	218	LUC	2.904,3	2.904,3				2.904,3	-	2.904,3	159.736.500	319.473.000	23.234.400	28.800.000	531.243.900
114	Lê Đình Thúc (Chân)	Phúc Âm 1	16	219	LUC	2.704,3	2.704,3				2.704,3	-	2.704,3	148.736.500	297.473.000	21.634.400	40.320.000	508.163.900
115	Lê Thị Túy - Lê Đăng Cường	Phúc Âm 1	16	220	LUC	687,2	687,2				687,2	-	687,2	37.796.000	75.592.000	5.497.600	23.040.000	207.423.400
		Phúc Âm 1	16	224	LUC	378,6	378,6				378,6	-	378,6	20.823.000	41.646.000	3.028.800		
116	Nguyễn Huy Mươi - Nthur	Phúc Âm 1	16	225	LUC	1.081,0	1.081,0				1.081,0	-	1.081,0	59.455.000	118.910.000	8.648.000	23.040.000	210.053.000
117	Phạm Thị Hạnh	Phúc Âm 1	16	236	LUC	744,2	619,4	124,8			619,4	124,8	744,2	34.067.000	68.134.000	5.953.600	28.800.000	583.260.000
		Phúc Âm 1	16	252	LUC	2.580,6	2.579,8				2.579,8	-	2.579,8	141.889.000	283.778.000	20.638.400		
118	Lê Đăng Thái - Bùi Thị Á	Phúc Âm 1	16	237	LUC	986,0	986,0				986,0	-	986,0	54.230.000	108.460.000	7.888.000	5.760.000	176.338.000
119	Nguyễn Huy Mạnh	Phúc Âm 1	16	240	LUC	1.119,9	1.088,0	31,9			1.088,0	31,9	1.119,9	59.840.000	119.680.000	8.959.200	11.520.000	199.999.200
120	Lê Thị Căng - Lê Thị Dung	Phúc Âm 1	16	249	LUC	1.918,1	1.832,0	86,1			1.832,0	86,1	1.918,1	100.760.000	201.520.000	15.344.800	5.760.000	323.384.800
121	Lê Công Cốt	Phúc Âm 1	16	250	LUC	3.276,9	2.770,0	506,9			2.770,0	506,9	3.276,9	152.350.000	304.700.000	26.215.200	17.280.000	500.545.200
122	Nguyễn Bá Hùng	Phúc Âm 1	16	251	LUC	520,1	520,1				520,1	-	520,1	28.605.500	57.211.000	4.160.800	17.280.000	173.568.200
	Nguyễn Bá Hùng	Phúc Âm 1	16	275	LUC	383,3	379,1	4,2			383,3	-	383,3	21.081.500	42.163.000	3.066.400		
123	Thị Văn Hải	Phúc Âm 1	16	273	LUC	2.695,3	2.376,0	319,3			2.376,0	319,3	2.695,3	130.680.000	261.360.000	21.562.400	40.320.000	453.922.400
124	Lê Thị Chung - Hoàng Ngọc Tuyền	Phúc Âm 1	16	274	LUC	1.118,6	1.088,0	30,6			1.088,0	30,6	1.118,6	59.840.000	119.680.000	8.948.800	-	188.468.800
125	Nguyễn Mạnh Hùng	Phúc Âm 1	16	290	LUC	918,0	399,7				399,7	-	399,7	21.983.500	43.967.000	3.197.600		69.148.100
126	Nguyễn Hữu Hải	Phúc Âm 1	16	291	LUC	1.539,1	1.471,0	68,1			1.539,1	-	1.539,1	84.650.500	169.301.000	12.312.800	17.280.000	283.544.300
127	Nguyễn Huy Sứ - Lê Thị Lập	Phúc Âm 1	16	292	LUC	2.017,3	1.995,0	22,3			1.995,0	22,3	2.017,3	109.725.000	219.450.000	16.138.400	11.520.000	356.833.400
128	Lê Đình Lương	Phúc Âm 1	16	293	LUC	1.701,1	1.632,0	69,1			1.632,0	69,1	1.701,1	89.760.000	179.520.000	13.608.800	23.040.000	305.928.800
129	Lê Thị Kênh -	Phúc Âm 1	16	303	LUC	2.361,7	2.361,7				2.361,7	-	2.361,7	129.893.500	259.787.000	18.893.600	23.040.000	431.614.100
130	Lê Văn Duẩn	Phúc Âm 1	16	331	LUC	311,6	310,7	0,9			311,6	-	311,6	17.138.000	34.276.000	2.492.800	11.520.000	65.426.800
131	Lê Minh Châu - Lê Thị Nhón	Phúc Âm 1	16	304	LUC	1.270,4	35,6				35,6	-	35,6	1.958.000	3.916.000	284.800		6.158.800
132	Nguyễn Huy Lượng	Phúc Âm 1	16	323	LUC	1.096,2	1.026,4	61,6	8,2	1.088,0	8,2	1.096,2	59.840.000	119.680.000	8.769.600	23.040.000	211.329.600	
133	Nguyễn Hữu Chiến	Phúc Âm 1	16	324	LUC	1.086,1	1.086,1				1.086,1	-	1.086,1	59.735.500	119.471.000	8.688.800	28.800.000	216.695.300
134	Lê Đình Long - Chuyên	Phúc Âm 1	16	469	LUC	540,3	540,3				540,3	-	540,3	29.716.500	59.433.000	4.322.400	23.040.000	116.511.900
I	Tổng					230.766	5.269,8	2.653,7	319,8	233.419,7	5.589,6	239.009,3	12.838.083.500	25.676.167.000	1.912.074.400	3.765.600.000	44.191.924.900	
II	Chi phí tổ chức thực hiện I*2%																	883.838.498
III	Tổng cộng (I+II)																	45.075.763.398

(Bảng chữ: Bốn lăm tỷ, không trăm bảy lăm triệu, bảy trăm sáu ba nghìn, ba trăm chín tám đồng)